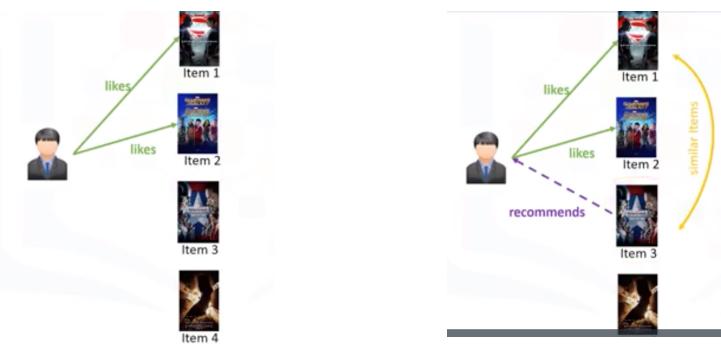


Phương pháp dựa trên nội dung



Dựa vào đâu để tìm các item tương tự với item người dùng đã xem?

21

21

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc

Item mô tả dựa trên thể loại phim

Batman v Superman		(Adventure, Super Hero)
Guardians of the Galaxy		(Comedy, Adventure, Super Hero, Sci-Fi)
Captain America: Civil War		(Comedy, Super Hero)
Hitchhiker's guide to the galaxy		(Comedy, Adventure, Sci-Fi)
Batman begins		(Super Hero)
Spiderman		(Comedy, Super Hero)

COGNITIVE
CLASS

22

22

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc



23

23

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc

User profile	Items
Item1, 5 Item2, 1 Item5, 4 Item10, 5	Item1 Item2 Item100
  2  10  8 Input User Ratings	Item's descriptions  Comedy 0  Adventure 1  Super Hero 1  Sci-Fi 0  Comedy 1  Adventure 1  Super Hero 1  Sci-Fi 1  Comedy 1  Adventure 0  Super Hero 1  Sci-Fi 0

24

24

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc

Weighing the genres

Weighted Genre Matrix				
	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
	0	2	2	0
	10	10	10	10
	8	0	8	0

Input User Ratings X Movies Matrix = Weighted Genre Matrix

25

25

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc

Weighing the genres

Weighted Genre Matrix				
	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
	0	2	2	0
	10	10	10	10
	8	0	8	0

Input User Ratings X Movies Matrix = Weighted Genre Matrix

User Profile

	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
	18	12	20	10

COGNITIVE CLASS

26

26

Ví dụ: dữ liệu có cấu trúc

	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
Input User Ratings	0	2	2	0
Movies Matrix	10	10	10	10
=				
User Profile	8	0	8	0
	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
	0.3	0.2	0.33	0.16

	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
Input User Ratings	0	2	2	0
Movies Matrix	10	10	10	10
=				
User Profile	8	0	8	0
	Comedy	Adventure	Super Hero	Sci-Fi
	0.3	0.2	0.33	0.16

27

27